THÔNG BÁO THAY ĐỔI
HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	HPG	285.360.368	286.460.538
2	SHB	303.098.693	303.698.693
3	STB	125.711.165	126.511.165
4	TPB	101.031.631	101.802.403
5	VHM	87.991.176	88.366.176
6	VIC	82.006.406	82.406.406
7	VPB	362.493.829	363.046.315
8	VRE	62.805.758	63.555.758

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 08/07/2024 như sau:

STT	Mã chứng khoán	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	4.466.657.912	3.998.105.497	399.810.549	378.899.584
2	FPT	1.460.448.066	1.177.851.365	117.785.136	111.310.589
3	HDB	2.912.550.610	2.179.170.366	217.917.036	217.917.036
4	HPG	6.396.250.200	3.482.758.233	348.275.823	286.460.538
5	MBB	5.306.324.052	2.882.925.857	288.292.585	257.786.000
6	MSN	1.438.351.617	654.593.820	65.459.382	54.309.382
7	MWG	1.461.915.388	1.097.606.073	109.760.607	85.317.995
8	SHB	3.662.412.356	3.052.986.939	305.298.693	303.698.693
9	SSB	2.495.700.000	1.345.182.300	134.518.230	134.518.230
10	SSI	1.509.138.669	1.026.214.294	102.621.429	102.621.429
11	STB	1.885.215.716	1.803.397.353	180.339.735	126.511.165
12	TCB	3.522.510.811	2.118.085.750	211.808.575	187.802.899
13	TPB	2.201.635.009	1.064.270.363	106.427.036	101.802.403
14	VHM	4.354.367.488	1.113.411.766	111.341.176	88.366.176
15	VIB	2.536.807.534	1.116.956.357	111.695.635	75.452.625
16	VIC	3.823.661.561	1.002.564.061	100.256.406	82.406.406
17	VJC	541.611.334	284.725.078	28.472.507	28.472.507
18	VNM	2.089.955.445	735.246.325	73.524.632	57.848.531
19	VPB	7.933.923.601	4.413.641.699	441.364.169	363.046.315
20	VRE	2.272.318.410	900.974.249	90.097.424	63.555.758